TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DS-PT
Ngày 05 - 02 - 2018
V/v tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung Vân;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ;

Bà Chu Thị Nguyễn Phin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Liễu Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2017/TLPT-DS ngày 13/11/2017 về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đặng Tằng S; cư trú tại: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Hoàng Thị B – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Các bị đơn:*

1. Ông Ngô Duy T;
2. Ông Chu Văn C;
3. Ông Chu Đức V;
4. Anh Chu Văn T1;
5. Anh Chu Văn T2;
6. Bà Hoàng Thị V;

7. Bà Lý Thị B;

8. Bà Lâm Thị H;

9. Bà Hoàng Thị P;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Chu Văn C: Anh Chu Văn T, theo giấy ủy quyền ngày 05/6/2016.

Ông T, ông C, ông , anh T1, anh T2, bà V, bà B, bà H, bà P cùng cư trú tại: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; ông T, anh T1, anh T2, bà V, bà B, bà H, bà P có mặt; ông C và ông V vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã H: Bà Nông Thị N - Công chức địa chính xã H theo giấy ủy quyền ngày 24/7/2017, vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã M: Bà Dương Thị M, Phó Chủ tịch UBND xã M, theo Quyết định ủy quyền số 35 ngày 26/7/2017, có mặt.

3. Bà Dương A M;

4. Ông Dương Trùng H;

5. Bà Hoàng Thị T.

Bà Dương A M, ông Dương Trùng H, bà Hoàng Thị T cùng cư trú tại: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; bà M, ông H, bà T đều vắng mặt.

6. Ông Ngô Văn L;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn L: Bà Hoàng Thị P theo giấy ủy quyền ngày 01/8/2016,

Ông Ngô Văn L và bà Hoàng Thị P cùng cư trú tại: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt bà P; vắng mặt ông L.

- *Người làm chứng*: Ông Phạm Minh P, cư trú tại: Số nhà *, khu B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người kháng cáo*:

1. Ông Ngô Duy T, là bị đơn.

2. Ông Chu Văn C, là bị đơn.

3. Ông Chu Đức V, là bị đơn.

4. Anh Chu Văn T1, là bị đơn.

5. Bà Hoàng Thị V, là bị đơn.

6. Bà Lý Thị B, là bị đơn.

7. Bà Hoàng Thị P, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2011, gia đình ông Đặng Tằng S xẩy ra tranh chấp đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 01 địa danh C thuộc thôn B, xã H, huyện L và thửa số 405, tờ bản đồ số 04, địa danh K, thuộc thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn với các hộ gia đình ông Ngô Duy T, Chu Đức V, Ngô Văn L. Ngày 09/10/2012 ông Đặng Tằng S có đơn khởi kiện yêu cầu các ông Ngô Duy T, Chu Đức V, Ngô Văn L trả lại diện tích đất hai thửa nêu trên cho ông và buộc phải bồi thường thiệt hại về tài sản. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2013/DS-ST ngày 30/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình và bản án dân sự phúc thẩm số 07/2014/DS-PT ngày 22/01/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định ông Đặng Tằng S và vợ là bà Dương A M được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 09 và thửa số 405 tranh chấp nói trên và sở hữu toàn bộ tài sản (số cây thông) trên đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH-01085 và CH 00178 UBND huyện L đã cấp cho hộ ông Đặng Tằng S.

Ngày 16/02/2016, ông Đặng Tằng S khởi kiện các ông Ngô Duy T, ông Chu Văn C, ông Chu Đức V, ông Chu Văn T1, ông Chu Văn T2, bà Hoàng Thị V, bà Lý Thị B, bà Lâm Thị H, bà Hoàng Thị P yêu cầu bồi thường thiệt hại số gỗ thông ông Đặng Tằng S đã khai thác mà không vận chuyển đi bán được. Cụ thể:

Ông Đặng Tằng S cho rằng: Năm 2011 trên cơ sở giấy phép của chính quyền địa phương ông có khai thác 30m^3 gỗ thông ở khu đồi K, thuộc xã M, huyện L nhưng thực tế ông khai thác khoảng trên 70m^3 gỗ tại khu đồi trên một phần thửa đất số 403 tờ bản đồ số 04 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M, huyện L; thửa đất số 09 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 04 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M, huyện L. Sau khi khai thác gỗ thì gia đình các bị đơn đến tranh chấp và ngày 09/11/2011 UBND xã M và UBND xã H, huyện L đã tổ chức hòa giải, thống nhất cho ông vận chuyển gỗ đi bán rồi gửi tiền vào Ngân hàng, khi nào giải quyết xong ai đúng thì được lấy tiền. Ngày 11/11/2011, thực hiện theo biên bản gia đình ông đã thuê thợ vận chuyển được 4 xe ô tô với 12m^3 gỗ thông đem đi bán. Ngày 12/11/2011, khi thợ của gia đình vận chuyển tiếp 01 xe gỗ với khoảng 05m^3 thì bị gia đình ông Ngô Văn L, ông Ngô Duy T, ông Chu Đức V ra ngăn cản làm lái xe phải đổ gỗ xuống đường; ngày 18/11/2011, khi thợ của gia đình vận chuyển tiếp 01 xe gỗ với khoảng 03m^3 thì bị gia đình ông Chu Văn C ra ngăn cản làm lái xe phải đổ gỗ xuống đường. Trước sự việc trên ông có thông báo cho UBND xã nhưng không được giải quyết triệt để khiến 08m^3 gỗ bị đổ xuống đường không ai quản lý nên bị mất. Sau đó ngày 11/5/2012 và ngày 11/6/2012, UBND xã M đã tiếp tục giải quyết, hòa giải giữa các bên nhưng không có kết quả bởi sự ngăn cản và không thiện trí của các bị đơn nên gia đình

ông không thể thuê được thợ để vận chuyển tiếp số gỗ đã khai thác đem đi bán. Nay ông yêu cầu bồi thường tài sản bị thiệt hại đối với 18m^3 gỗ thông với giá 2.500.000 đồng/m^3, cụ thể ông yêu cầu bà Lý Thị B, bà Hoàng Thị P phải liên đới bồi thường giá trị xe gỗ đã bị đổ ngày 12/11/2011 là 04m^3 tức 10.000.000 đồng (mỗi người 5.000.000 đồng); ông yêu cầu bà Hoàng Thị V phải bồi thường giá trị xe gỗ đã bị đổ ngày 18/11/2011 là 03m^3 tức 7.500.000 đồng; ông yêu cầu ông Chu Văn C, anh Chu Văn T1, ông Chu Đức V, ông Ngô Duy T phải liên đới bồi thường giá trị số gỗ còn lại ở trong rừng là 11m^3 tức 27.500.000 đồng (mỗi người 6.875.000 đồng). Tuy ông có khởi kiện anh Chu Văn T2, bà Lâm Thị H nhưng ông không yêu cầu ông Chu Văn T2, bà Lâm Thị H, ông Ngô Văn L, UBND xã M, UBND xã H phải bồi thường tài sản đã bị thiệt hại ở trên và ông cũng không yêu cầu Tòa án xem xét về thửa đất số 403 tờ bản đồ số 04 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn trong vụ án này.

Các bị đơn:

Ông Ngô Duy T: Thống nhất với ý kiến nguyên đơn trình bày về việc khai thác gỗ; xác nhận có biên bản xác minh về việc tranh chấp đất rừng và cây thông lập hồi 14 giờ ngày 09/11/2011; biên bản hòa giải hồi 08 giờ 30 phút ngày 11/6/2012. Ông không nhất trí bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Đặng Tằng S bởi ông không thực hiện việc ngăn cản 02 xe gỗ bị đổ vào ngày 12/11 và ngày 18/11/2011; ông không có lỗi gì khiến ông Đặng Tằng S không thể vận chuyển số gỗ đã khai thác còn lại đem đi bán.

Bà Lý Thị B: Thống nhất với ý kiến của ông Ngô Duy T đã đưa ra. Ngày 12/11/2011, tuy bà có mặt khi xe gỗ của gia đình ông Đặng Tằng S chở đến khu vực nhà ông Chu Văn C nhưng bà không có hành vi ngăn cản hay đe dọa gì mà chỉ đứng xem, lúc đó bà vừa đi làm đồng về nên trên tay có cầm 01 con dao quắm, việc đổ gỗ thông xuống đường là lái xe tự thực hiện và số gỗ thông đó ai lấy bà không biết nên bà không chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của ông Đặng Tằng S.

Ông Chu Đức V: Thống nhất với ý kiến ông Ngô Duy T đã đưa ra. Ông không nhất trí bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Đặng Tằng S bởi ông không thực hiện việc ngăn cản hai xe gỗ bị đổ vào ngày 12 và ngày 18/11/2011; ông không có lỗi gì khiến ông Đặng Tằng S không thể vận chuyển số gỗ đã khai thác còn lại đem đi bán.

Bà Lâm Thị H: Thống nhất với ý kiến của ông Chu Đức V đã đưa ra. Ngày 12/11/2011, bà không có mặt khi xe chở gỗ của ông Đặng Tằng S bị đổ, thiệt hại về tài sản của ông Đặng Tằng S bà không liên quan nên nay bà cũng không có ý kiến gì về tranh chấp này.

Bà Hoàng Thị P: Thống nhất với ý kiến của ông Ngô Duy T đã đưa ra. Ngày 12/11/2011, tuy bà có mặt khi xe gỗ của nguyên đơn chở đến khu vực nhà ông Chu Văn C nhưng bà không có hành vi ngăn cản hay đe dọa gì mà chỉ đứng xem, việc đổ gỗ xuống đường là lái xe tự thực hiện và số gỗ thông đó ai lấy bà không biết nên bà không chấp nhận bồi thường theo yêu cầu nguyên đơn.

Anh Chu Văn T1: Thống nhất với ý kiến ông Đặng Tằng S đã đưa ra về việc khai thác gỗ; xác nhận có biên bản hòa giải hồi 14 giờ 30 phút ngày 08/11/2011; biên bản xác minh về việc tranh chấp đất rừng và cây thông lập hồi 14 giờ ngày 09/11/2011; biên bản làm việc hồi 09 giờ ngày 11/5/2012; biên bản hòa giải hồi 08 giờ 30 phút ngày 11/6/2012. Anh Chu Văn T1 không nhất trí bồi thường thiệt hại về tài sản cho nguyên đơn bởi anh không thực hiện việc ngăn cản 02 xe gỗ bị đổ vào ngày 12 và ngày 18/11/2011; anh không có lỗi gì khiến nguyên đơn không thể vận chuyển số gỗ đã khai thác còn lại đem đi bán. Anh cũng không yêu cầu Tòa án xem xét về thửa đất số 403 tờ bản đồ số 04 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M, huyện L trong vụ án này mà sẽ thực hiện quyền của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bà Hoàng Thị V: Thống nhất với ý kiến của anh Chu Văn T đã đưa ra ở trên. Ngày 18/11/2011, tuy bà có mặt khi xe gỗ của gia đình ông Đặng Tằng S chở đến khu vực nhà bà nhưng bà không có hành vi ngăn cản hay đe dọa mà bà chỉ yêu cầu lái xe dừng xe để bà hỏi lại UBND xã H vì hôm đó bà có nghe thông tin là UBND xã H bận nên thông báo nguyên đơn phải ngừng vận chuyển gỗ. Việc đổ gỗ xuống đường ngày hôm đó là lái xe tự thực hiện và số gỗ thông đó ai lấy bà không biết nên bà không chấp nhận bồi thường theo yêu cầu nguyên đơn.

Anh Chu Văn T2: Ngày 12/11 và 18/11/2011 anh không có mặt khi xe chở gỗ của ông Đặng Tằng S bị đổ, thiệt hại về tài sản của ông Đặng Tằng S anh không liên quan nên không có ý kiến gì về tranh chấp này.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Dương Trùng H và bà Hoàng Thị T: Toàn bộ thửa đất số 403 tờ bản đồ số 04 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M, huyện L, đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Dương Trùng H và bà Hoàng Thị T, trên một phần thửa đất này trước đây gia đình có cho ông Đặng Tằng S trồng thông. Năm 2011 số cây thông ông Đặng Tằng S trồng đã đủ độ tuổi để khai thác nên gia đình cũng nhất trí để ông Đặng Tằng S khai thác hết số gỗ thông này. Khi ông Đặng Tằng S khai thác số cây thông đó thì xảy ra tranh chấp với gia đình các bị đơn. Gia đình xác định 144 cây thông ông Đặng Tằng S đã khai thác tại thửa đất 403 là tài sản của ông Đặng Tằng S, gia đình không có quyền lợi gì đối với tài sản đó nên từ chối tham gia tố tụng và đề nghị xét xử vắng mặt trong vụ án. Đồng thời, gia đình không yêu cầu Tòa án xem xét về thửa đất 403 tờ bản đồ số 04 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M, huyện L.

UBND xã H do bà Nông Thị N là người đại diện trình bày: UBND xã H thống nhất với ý kiến nguyên đơn về việc khai thác gỗ, xác nhận có biên bản hòa giải hồi 14 giờ 30 phút ngày 08/11/2011; biên bản xác minh về việc tranh chấp đất rừng và cây thông lập hồi 14 giờ ngày 09/11/2011; biên bản hòa giải hồi 08 giờ 30 phút ngày 11/6/2012; biên bản hòa giải hồi 10 giờ 30 phút ngày 11/6/2012. Vào các ngày 12 và 18/11/2011, UBND xã không hề có thông báo việc tạm ngừng vận chuyển gỗ thông và cũng không hề nhận được thông báo của

ai đề nghị dừng vận chuyển gỗ. Gia đình các bị đơn đã có hành vi ngăn cản việc chở gỗ thông vào các ngày đó gây thiệt hại cho gia đình nguyên đơn. Sau sự việc này UBND xã H có tham gia cùng UBND xã M tổ chức nhiều buổi làm việc giữa các bên nhưng không đi đến kết quả bởi sự ngăn cản và không thiện trí của các gia đình bị đơn. Nay UBND xã H không có ý kiến gì về tranh chấp này mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã M do bà Dương Thị M là người đại diện: Nhất trí như ý kiến đại diện UBND xã H đã đưa ra, đồng thời xác nhận sự việc lập biên bản làm việc hồi 09 giờ ngày 11/5/2012.

Vụ án đã được Tòa án các cấp đã giải quyết vụ án như sau:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2016/DS-ST ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Tằng S về việc yêu cầu anh Chu Văn T1 và ông Chu Văn C bồi thường thiệt hại về tài sản 08m^3 gỗ thông trị giá là 20.000.000đồng và yêu cầu ông Ngô Duy T, ông Chu Đức V, ông Ngô Văn L phải bồi thường giá trị 22m^3 gỗ thông bị mục hỏng trên rừng trị giá là 75.000.000 đồng vì không có căn cứ.

2. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Ông Đặng Tằng S phải chịu 3.000.000đồng (ba triệu đồng)

3. Về án phí: Ông Đặng Tằng S được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Đặng Tằng S số tiền tạm ứng án phí 2.300.000đồng.

Ông Đặng Tằng S kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 15/2017/DS-PT ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 16/2016/DSST ngày 28/9/2016. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Tằng S yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm) đối với ông Ngô Duy T, ông Chu Văn C, ông Chu Đức V, ông Chu Văn T1, bà Hoàng Thị V, bà Lý Thị B, bà Hoàng Thị P.

2. Buộc các bị đơn ông Ngô Duy T, ông Chu Văn C, ông Chu Đức V, ông Chu Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do tài sản (11m^3 gỗ thông) bị xâm phạm cho ông Đặng Tằng S với số tiền là 27.500.000đồng, chia theo phần, cụ thể: Ông Ngô Duy T, ông Chu Văn C, ông Chu Đức V, ông Chu Văn T1 mỗi người phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Đặng Tằng S số tiền là 6.875.000 đồng (sáu triệu tám trăm bẩy mươi năm nghìn đồng).

3. Buộc các bị đơn bà Lý Thị B, bà Hoàng Thị P phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do tài sản (4m^3 gỗ thông) bị xâm phạm cho ông Đặng Tằng S với số tiền 10.000.000đồng, chia theo phần, cụ thể: Bà Lý Thị B, bà Hoàng Thị P mỗi người phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Đặng Tằng S số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

4. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị V phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản (3m^3 gỗ thông) bị xâm phạm cho ông Đặng Tằng S số tiền là 7.500.000đồng (bẩy triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Về chi phí tố tụng khác: Ông Ngô Duy T, ông Chu Văn C, ông Chu Đức V, ông Chu Văn T1, bà Hoàng Thị V, bà Lý Thị B, bà Hoàng Thị P mỗi người phải hoàn trả lại cho ông Đặng Tằng S số tiền tạm ứng chi phí định giá; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 829.000 đồng (tám trăm hai mươi chín nghìn đồng).

6. Về án phí:

- Hoàn trả lại cho ông Đặng Tằng S số tiền tạm ứng án phí là 2.300.000đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng).

- Ông Ngô Duy T, ông Chu Văn C, ông Chu Đức V, ông Chu Văn T1 mỗi người phải chịu 343.750 đồng (ba trăm bốn mươi ba nghìn bẩy trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lý Thị B, bà Hoàng Thị P mỗi người phải chịu 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Hoàng Thị V phải chịu 375.000 đồng (ba trăm bẩy mươi năm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 28/9/2017, ông Ngô Duy T, ông Chu Văn C, ông Chu Đức V, anh Chu Văn T1, bà Hoàng Thị V, bà Lý Thị B, bà Hoàng Thị P kháng cáo không chấp nhận bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Đặng Tằng S.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Ngô Duy T, ông Chu Văn C, anh Chu Văn T1, bà Hoàng Thị V, bà Lý Thị B, bà Hoàng Thị P giữ nguyên kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự thực hiện đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Nội dung tranh chấp về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được Tòa án các cấp giải quyết, kết quả xác định quyền sử dụng đất và cây thông trên đất thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của gia đình ông Đặng Tằng S. Do vậy có căn cứ xác định tài sản cây Thông bị thiệt hại thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Đặng Tằng S. Đồng thời có căn cứ xác định khi gia đình ông Đặng Tằng S khai thác thông đã bị gia đình các bị đơn ngăn cản dẫn đến gỗ không vận chuyển

được nên bị mục nát và bị thiệt hại. Các bị đơn cho rằng việc ngăn cản là thực hiện theo biên bản hòa giải của UBND xã. Nhưng qua đối chiếu, theo biên bản hòa giải của UBND xã không có nội dung cho phép các bị đơn ngăn cản việc vận chuyển gỗ của gia đình ông Đặng Tằng S. Bản án sơ thẩm buộc các bị đơn: Ngô Duy T, Chu Văn C, Chu Văn T1, Chu Đức V; Hoàng Thị V, Lý Thị B, Hoàng Thị P phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Đặng Tằng S là có căn cứ, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa, thấy rằng:

[2] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Số gỗ thông ông Đặng Tằng S khai thác vào tháng 11/2011 là trên thửa đất số 09 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính lâm nghiệp xã H và các thửa 403, 405 tờ bản đồ số 04 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp xã M huyện L (bút lục số 368).

[3] Theo kết quả giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2013/DS-ST ngày 30/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình và Bản án dân sự phúc thẩm số 07/2017/DS-PT ngày 22/01/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Ông Đặng Tằng S và bà Dương A M được quản lý, sử dụng đất cùng toàn bộ cây trên đất thửa đất số 09 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính lâm nghiệp xã H và thửa số 405 tờ bản đồ số 04 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp xã M huyện L. Trong lời khai của ông Dương Trùng H, bà Hoàng Thị T cây thông trên thửa 403 do ông Đặng Tằng S trồng. Như vậy xác định các cây thông gia đình ông Đằng Tằng Sòi khai thác vào tháng 11/2011 thuộc sở hữu hợp pháp của ông Đặng Tằng S.

[4] Khi khai thác, gia đình ông Đặng Tằng S đã có giấy phép khai thác của UBND xã M, số lượng là 30m^3. Việc ông Đặng Tằng S khai thác thông là hợp pháp. Khi ông Đặng Tằng S khai thác thông đã xảy ra việc các bị đơn đến tranh chấp.

[5] Tất cả các đương sự trong vụ án đều thừa nhận việc Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã giải quyết tranh chấp giữa các bên và lập nhiều biên bản, cụ thể: Biên bản hòa giải hồi 14 giờ 30 phút ngày 08/11/2011 (BL 299-300); biên bản xác minh về việc tranh chấp đất rừng và cây thông lập hồi 14 giờ ngày 09/11/2011 (BL 24-25); biên bản làm việc hồi 09 giờ ngày 11/5/2012 (BL 18); biên bản hòa giải hồi 08 giờ 30 phút ngày 11/6/2012 (BL 301-302); biên bản hòa giải hồi 10 giờ 30 phút ngày 11/6/2012 (BL 77-78). Đồng thời, các đương sự đều khẳng định việc tranh chấp đất đai và số gỗ thông mà ông Đặng Tằng S đã khai thác tại thời điểm tháng 11/2011 và sau đó chỉ diễn ra giữa gia đình ông Đặng Tằng S với gia đình các bị đơn mà không hề có tranh chấp với ai. Ủy ban nhân dân xã M,

huyện L, tỉnh Lạng Sơn giải quyết tranh chấp này cũng không có ai ngoài nguyên đơn và gia đình các bị đơn.

[6] Đối với xe gỗ ngày 12/11/2011: Chính bà Hoàng Thị P, bà Lý Thị B đã thừa nhận ngày 12/11/2011 các bà có mặt khi xe gỗ nhà ông Đặng Tằng S vận chuyển đến địa phận thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn gần nhà ông Chu Văn C và lúc đó bà Lý Thị B có cầm dao trên tay nhưng cho rằng đó là con dao phát cỏ bà đi làm đồng về. Các nhân chứng liên quan: Ông Dương Di P là người có mặt giám sát việc trở gỗ khi đó trực tiếp nhìn thấy bà Lý Thị B và bà Hoàng Thị P là người đứng trước đầu xe, yêu cầu lái xe phải đổ gỗ xuống đường (bút lục số 64); ông Phạm Minh P là người trực tiếp khai thác gỗ thông cho ông Đặng Tằng S tại đơn trình bày cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm vẫn khẳng định khi xe ô tô chở gỗ đến dốc B gần nhà anh Chu Văn T1 thì có vợ ông Ngô Duy T, vợ ông Chu Đức V... cầm dao ra ngăn cản đòi đổ gỗ xuống đường (bút lục số 275, 276, 277); anh Phan Huy K là người điều khiển xe chở gỗ vào ngày 12/11/2011 cũng trình bày lý do anh phải đổ xe gỗ xuống đường là do có ba người đàn bà cầm dao đe dọa (bút lục số 151; 156). Bởi vậy có căn cứ xác định xe gỗ vận chuyển ngày 12/11/2011 bị đổ xuống đường dẫn đến bị thiệt hại là do bà Lý Thị B, bà Hoàng Thị P gây ra.

[7] Đối với xe gỗ vận chuyển ngày 18/11/2011: Bà Hoàng Thị V cũng thừa nhận ngày 18/11/2011 khi xe chở gỗ nhà ông Đặng Tằng S đi đến gần nhà bà thì bà có ra gặp, yêu cầu lái xe đang chở gỗ dừng xe để bà hỏi lại sự việc vận chuyển gỗ với Ủy ban nhân dân xã. Tại biên bản hòa giải tại UBND xã M ngày 11/6/2012 anh Chu Văn T1 cũng thừa nhận: Ngày 18/11/2011 mẹ anh chặn xe không cho vận chuyển (bút lục số 77-78); tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm anh Chu Văn T1 cũng thừa nhận chuyến xe chở gỗ ngày 18/11/2011 do mẹ anh bảo lái xe dừng lại (bút lục số 347). Bởi vậy có căn cứ xác định xe gỗ vận chuyển ngày 18/11/2011 bị đổ xuống đường dẫn đến bị thiệt hại là do bà Hoàng Thị V gây ra.

[8] Đối với số gỗ thông còn lại đã khai thác không vận chuyển ra được: Mặc dù sau hơn 06 tháng kể từ ngày 18/11/2011 xong tại biên bản hòa giải hồi 8 giờ 30 phút ngày 11/6/2012 giữa ông Đặng Tằng S với gia đình ông Ngô Duy T, ông Chu Đức V … , Ủy ban nhân dân hai xã M và Hữu Khánh đã kết luận: *Ông Ngô Duy T, Ngô Văn L và ông Chu Đức V yêu cầu ông Đặng Tằng S trả lại đất cho 3 anh em ông và phải trả cho 3 anh em ông là 30% số cây ông đã chặt nếu không ông không cho vận chuyển số cây mang đi bán theo biên bản của UBND hai xã đã lập ngày 08 tháng 11 năm 2011 vì ông đã trồng trên đất của ông cha để lại (20-23)*. Tại biên bản hòa giải lập hồi 10 giờ 30 phút ngày 11/6/2012 có mặt ông Đặng Tằng S, ông Chu Văn C, anh Chu Văn T1 …. Ủy ban nhân dân hai xã M và Hữu Khánh đã thể hiện ý kiến của anh T1: *Trong số cây khai thác không phải hoàn toàn là của tôi, tôi chỉ lấy 144 cây và đề nghị ông S bồi thường mỗi cây là 400.000 đồng thì tôi sẽ cho xe gỗ trở đi* và Kết luận của ban hòa giải: *Ban hòa giải của 2 xã M và Hữu Khánh đề nghị bên ông Chu Văn C cho vận chuyển số gỗ đã khai thác để tránh gây thiệt hại kinh tế cho gia đình (bút lục số 77, 78)*. Đồng thời như dẫn chứng ở phần trên trước đó vào các ngày 12/11 và 18/11/2011 vợ các ông Chu Văn C, Ngô Duy T đã

ngăn cản không cho xe gỗ đi, mà con đường duy nhất để vận chuyển gỗ là phải đi qua là B nơi gia đình các ông sinh sống. Điều đó thể hiện rõ lý do và nguyên nhân khiến số gỗ thông gia đình ông Đặng Tằng S đã khai thác mà không thể vận chuyển mang đi bán là do gia đình ông Ngô Duy T, ông Chu Văn C, anh Chu Văn T1 và ông Chu Đức V gây ra.

[9] Anh Chu Văn T1 và bà Hoàng Thị V cho rằng ngày 18/11/2011, Ủy ban nhân dân xã H có thông báo ngừng vận chuyển gỗ, nhưng anh Chu Văn T1 cũng không nhớ rõ ai là người của UBND xã H đã thông báo về việc ngừng vận chuyển gỗ lúc đó; tại phiên tòa sơ thẩm ông Hà Văn B (cán bộ UBND xã H) không thừa nhận sự việc này vì sự việc diễn ra đã lâu nên ông không nhớ gì về việc UBND xã H có thông báo ngừng vận chuyển gỗ vào ngày 18/11/2011 hay không. Ủy ban nhân dân xã M và UBND xã H khẳng định vào các ngày 12 và 18/11/2011, UBND hai xã không hề có thông báo ngừng vận chuyển gỗ và không hề nhận được thông báo đề nghị ngừng vận chuyển gỗ của gia đình nguyên đơn và các gia đình bị đơn (bút lục số 331); Ngày 12/11/2011, ông Hà Văn B đại diện UBND xã H cũng trực tiếp đi tham gia giám sát việc chở 01 xe gỗ của gia đình ông Đặng Tằng S ngày 12/11/2011. Và cũng chính ngày này người làm chứng ông Phan Huy K, ông Phạm Minh P đều xác nhận anh Chu Văn T1 còn là người đi kiểm đếm, đo gỗ trước khi gia đình ông Đặng Tằng S chuyển gỗ lên xe để đem đi bán.

[10] Từ những phân tích trên thấy rằng Bản án sơ thẩm buộc bà Lý Thị B, bà Hoàng Thị P; bà Hoàng Thị V; ông Chu Văn C, anh Chu Văn T1, ông Ngô Duy T, ông Chu Đức V phải bồi thường thiệt hại là có căn cứ. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Duy T, ông Chu Văn C, anh Chu Văn T1, bà Hoàng Thị V, bà Lý Thị B và bà Hoàng Thị P.

[11] Do cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên các ông bà Ngô Duy T, ông Chu Văn C, ông Chu Văn T1, bà Hoàng Thị V, bà Lý Thị B, bà Hoàng Thị P mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

[12] Ông Chu Đức V có kháng cáo, ông đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên coi như từ bỏ việc kháng cáo, cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết. Ông Chu Đức V vẫn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; các Điều 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 229, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 235, 275, 288, 290, 357, 468, 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 27; khoản 1 và khoản 4 Điều 30 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Duy T, ông Chu Văn C, anh Chu Văn T1, bà Hoàng Thị V, bà Lý Thị B, bà Hoàng Thị P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, cụ thể:

1. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Tằng S, cụ thể:

1.1. Buộc ông Ngô Duy T, ông Chu Văn C, ông Chu Đức V, anh Chu Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do tài sản (11m^3 gỗ thông) bị xâm phạm cho ông Đặng Tằng S với số tiền là 27.500.000đồng, chia theo phần, cụ thể: Ông Ngô Duy T, ông Chu Văn C, ông Chu Đức V, anh Chu Văn T1 mỗi người phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Đặng Tằng S số tiền là 6.875.000 đồng (sáu triệu tám trăm bẩy mươi năm nghìn đồng).

1.2. Buộc bà Lý Thị B, bà Hoàng Thị P phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do tài sản (4m^3 gỗ thông) bị xâm phạm cho ông Đặng Tằng S với số tiền 10.000.000đồng, chia theo phần, cụ thể: Bà Lý Thị B, bà Hoàng Thị P mỗi người phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Đặng Tằng S số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

1.3. Buộc bà Hoàng Thị V phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản (3m^3 gỗ thông) bị xâm phạm cho ông Đặng Tằng S số tiền là 7.500.000đồng (bẩy triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về chi phí tố tụng khác:

Ông Ngô Duy T, ông Chu Văn C, ông Chu Đức V, anh Chu Văn T1, bà Hoàng Thị V, bà Lý Thị B, bà Hoàng Thị P mỗi người phải hoàn trả lại cho ông Đặng Tằng S số tiền tạm ứng chi phí định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ là 829.000 đồng (tám trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Đặng Tằng S có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản quyết định tại mục **1** và **2** nêu trên, nếu ông Ngô Duy T, ông Chu Văn C, ông Chu Đức V, anh Chu Văn T1, bà Hoàng Thị V, bà Lý Thị B, bà Hoàng Thị P chậm thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự: Các đương sự phải chịu án phí sung quỹ Nhà nước như sau:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Ngô Duy T, ông Chu Văn C, ông Chu Đức V, anh Chu Văn T1 mỗi người phải chịu 343.750 đồng (ba trăm bốn mươi ba nghìn bẩy trăm năm mươi đồng).

- Bà Lý Thị B, bà Hoàng Thị P mỗi người phải chịu 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bà Hoàng Thị V phải chịu 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

- Ông Đặng Tằng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Đặng Tằng S số tiền 2.300.000đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 02653 ngày 10/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Các ông, bà Ngô Duy T, Chu Văn C, Chu Đức V, Chu Văn T1, Hoàng Thị V, Lý Thị B, Hoàng Thị P, mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí các ông bà trên đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, cụ thể: Bà Hoàng Thị V đã nộp số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu số 01107 ngày 04/10/2017; anh Chu Văn T1 đã nộp số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu số 01105 ngày 04/10/2017; ông Chu Văn C đã nộp số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu số 01106 ngày 04/10/2017; bà Lý Thị B đã nộp số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu số 01110 ngày 06/10/2017; ông Ngô Duy T đã nộp số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu số 01111 ngày 06/10/2017; bà Hoàng Thị P đã nộp số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu số 01112 ngày 06/10/2017; ông Chu Đức V đã nộp số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu số 01113 ngày 06/10/2017. Các ông, bà Ngô Duy T, Chu Văn C, Chu Đức V, Chu Văn T1, Hoàng Thị V, Lý Thị B và Hoàng Thị P đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Lộc Bình, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người ĐDHP của các đương sự;
- Người BVQLIHP của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP; TDS; KTNV và THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trung Vân